

Phụ lục
MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2021
(Kèm theo Kế hoạch số 117 /KH-SYT ngày ...27 /8/2021 của Sở Y tế)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2020	Mục tiêu năm 2021		Phòng phụ trách
				Điểm	Tăng/giảm so với năm 2020	
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC	15,5	6,18	15,5	9,32	
1.1	Kế hoạch CCHC	1,5	1	1,5	0,5	Văn phòng Sở
1.1.1	<i>Ban hành kế hoạch CCHC</i>	0,5	0	0,5	0,5	
1.1.2	<i>Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC</i>	1	1	1	0	
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ đảm bảo nội dung và thời gian theo quy định	1	1	1	0	Văn phòng Sở
1.3	Công tác kiểm tra CCHC	1,5	0,5	1,5	1	Văn phòng Sở
1.3.1	<i>Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc sở (phòng ban, chi cục và tương đương) được kiểm tra trong năm</i>	0,5	0,5	0,5	0	
1.3.2	<i>Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra CCHC</i>	0,5	0	0,5	0,5	
1.3.3	<i>Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra</i>	0,5	0	0,5	0,5	
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1	1	1	0	Văn phòng Sở
1.4.1	<i>Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC</i>	0,25	0,25	0,25	0	
1.4.2	<i>Thực hiện các hình thức tuyên truyền CCHC</i>	0,25	0,25	0,25	0	
1.4.3	<i>Tham gia đầy đủ các Hội thi Cải cách hành chính của tỉnh hoặc các Hội thi khác có nội dung liên quan đến công tác cải cách hành chính</i>	0,5	0,5	0,5	0	
1.5	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC	2,5	1,5	2,5	1	
1.5.1	<i>Có đưa nội dung cải cách hành chính để đánh giá, kiểm điểm trong các cuộc họp giao ban định kỳ và được thông báo kết luận chỉ đạo bằng văn bản</i>	0,5	0,5	0,5	0	<i>Văn phòng Sở</i>
1.5.2	<i>Có văn bản phân công Lãnh đạo, công chức phụ trách CCHC, công chức Bộ phận một cửa đáp ứng yêu cầu chuyên môn theo quy định</i>	0,5	0,5	0,5	0	<i>Tổ chức Cán bộ</i>
1.5.3	<i>Sáng kiến trong triển khai công tác CCHC</i>	1,5	0,5	1,5	1	Các phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2020	Mục tiêu năm 2021		Phòng phụ trách
				Điểm	Tăng/giảm so với năm 2020	
1.6	Thực hiện các văn bản, ý kiến chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh	1,5	1,18	1,5	0,32	Văn phòng Sở
1.7	Thực hiện tự chấm điểm xác định Chỉ số CCHC	0,5	0	0,5	0,5	Văn phòng Sở
1.8	Kết quả công tác chỉ đạo điều hành của sở	2	0	2	2	Văn phòng Sở
1.9	Thực hiện công tác cải cách hành chính gắn với Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của tỉnh do Bộ Nội vụ công bố <i>(không có những tồn tại hạn chế trong thực hiện công tác CCHC làm ảnh hưởng đến kết quả Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh do Bộ Nội vụ đánh giá hoặc chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh lĩnh vực có nội dung đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh trong năm tụt hạng (trước và trong năm đánh giá, xếp loại))</i> .	2	0	2	2	Các phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc
1.10	Thực hiện kế hoạch công tác năm của sở, ban, ngành	2	0	2	2	Kế hoạch Tài chính
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	8,5	8,5	8,5	0	
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	3	3	3	0	Văn phòng Sở
2.1.1	Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật	0,5	0,5	0,5	0	
2.1.2	Thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật	1	1	1	0	
2.1.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1	1	1	0	
2.1.4	Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật	0,5	0,5	0,5	0	
2.2	Xây dựng văn bản QPPL thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực sở, ngành quản lý trình HĐND hoặc UBND tỉnh ban hành	3	3	3	0	Văn phòng Sở

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2020	Mục tiêu năm 2021		Phòng phụ trách
				Điểm	Tăng/giảm so với năm 2020	
2.2.1	<i>Tham mưu xây dựng văn bản QPPL trong năm theo quyết định của thường trực HĐND tỉnh hoặc quyết định của UBND tỉnh ban hành danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của UBND tỉnh, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước...</i>	1	1	1	0	
2.2.2	<i>Thực hiện quy trình xây dựng văn bản QPPL theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL 21.05, Nghị định số 34/21.06/NĐ-CP ngày 14/5/21.06 của Chính phủ và Quyết định số 30/21.08/QĐ-UBND ngày 31/8/21.08 của UBND tỉnh Lai Châu</i>	1	1	1	0	
2.2.3	<i>Kết quả tham mưu văn bản QPPL cho HĐND tỉnh hoặc UBND tỉnh ban hành trước và trong năm đánh giá</i>	1	1	1	0	
2.3	Rà soát văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành	2,5	2,5	2,5	0	Văn phòng Sở
2.3.1	<i>Thực hiện rà soát văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý</i>	1	1	1	0	
2.3.2	<i>Xử lý VBQPPL sau rà soát</i>	1	1	1	0	
2.3.3	<i>Báo cáo kết quả rà soát</i>	0,5	0,5	0,5	0	
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	15	12,72	14	1,28	
3.1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)	2,5	2	2,5	0,5	Văn phòng Sở
3.1.1	<i>Thực hiện quy định về tham mưu ban hành TTHC theo thẩm quyền</i>	1	1	1	0	
3.1.2	<i>Thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá quy định, TTHC</i>	1	0,5	1	0,5	
3.1.3	<i>Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC</i>	0,5	0,5	0,5	0	
3.2	Dự thảo Quyết định công bố Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh và xây dựng Quyết định công bố thủ tục hành chính được luật giao quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh sau khi văn bản quy phạm pháp luật được ban hành	1	1	1	0	Văn phòng Sở

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2020	Mục tiêu năm 2021		Phòng phụ trách
				Điểm	Tăng/giảm so với năm 2020	
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	10	7,717	9	1,283	Văn phòng Sở
3.3.1	<i>Tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông so với tổng số TTHC đã được công bố (trừ TTHC thuộc các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định 61/21.08/NĐ-CP và theo Quyết định công bố của UBND tỉnh)</i>	1,5	1	1	0	
3.3.2	<i>Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông (cùng cấp và các cấp)</i>	1	0,5	0,5	0	
3.3.3	<i>Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC</i>	1	0	1	1	
3.3.4	<i>Kết quả giải quyết TTHC</i>	3	2,967	3	0,033	
3.3.5	<i>Chất lượng giải quyết thủ tục hành chính</i>	2	2	2	0	
3.3.6	<i>Thực hiện cập nhật hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trên phần mềm</i>	1	1	1	0	
3.3.7	<i>Chất lượng hướng dẫn tổ chức, người dân và doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính</i>	0,5	0,25	0,5	0,25	
3.4	Công tác tiếp nhận, xử lý hoặc phối hợp xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở	1	1	1	0	Văn phòng Sở
3.4.1	<i>Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở</i>	0,5	0,5	0,5	0	
3.4.2	<i>Tiếp nhận, xử lý, trả lời và công khai kết quả xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đúng quy định</i>	0,5	0,5	0,5	0	
3.5	Thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	0,5	0,5	0,5	0	Văn phòng Sở
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	6	5,79	6	0,21	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2020	Mục tiêu năm 2021		Phòng phụ trách
				Điểm	Tăng/giảm so với năm 2020	
4.1	Thực hiện quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy	4	4	4	0	Tổ chức Cán bộ
4.1.1	<i>Tham mưu sắp xếp tổ chức bộ máy thuộc cơ quan, đơn vị theo các quy định của bộ, ngành, trung ương</i>	1	1	1	0	
4.1.2	<i>Tham mưu xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan (khi có sự thay đổi)</i>	1	1	1	0	
4.1.3	<i>Kịp thời sửa đổi, bổ sung, ban hành chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc theo quy định của chính phủ, bộ ngành trung ương và của tỉnh (khi có sự thay đổi)</i>	1	1	1	0	
4.1.4	<i>Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng và bố trí lãnh đạo trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương đảm bảo quy định</i>	1	1	1	0	
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao	2	1,79	2	0,21	Tổ chức Cán bộ
4.2.1	<i>Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính</i>	0,5	0,5	0,5	0	
4.2.2	<i>Thực hiện quy định về sử dụng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập</i>	0,5	0,5	0,5	0	
4.2.3	<i>Tỷ lệ biên chế giảm so với năm 2015</i>	1	0,79	1	0,21	
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	5,5	5	5,5	0,5	
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	1,5	1,5	1,5	0	Tổ chức Cán bộ
5.1.1	<i>Tỷ lệ công chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt</i>	1	1	1	0	
5.1.2	<i>Tỷ lệ viên chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt</i>	0,5	0,5	0,5	0	
5.2	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương	1	1	1	0	Tổ chức Cán bộ
5.3	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm	1,5	1	1,5	0,5	Tổ chức Cán bộ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2020	Mục tiêu năm 2021		Phòng phụ trách
				Điểm	Tăng/giảm so với năm 2020	
5.3.1	Thực hiện quy định đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm	0,5	0,5	0,5	0	
5.3.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	1	0,5	1	0,5	
5.4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1,5	1,5	1,5	0	Tổ chức Cán bộ
5.4.1	Mức độ thực hiện nhiệm vụ được giao tại kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong năm được UBND tỉnh phê duyệt	1	1	1	0	
5.4.2	Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng	0,5	0,5	0,5	0	
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	6,5	4	6,5	2,5	
6.1	Thực hiện công tác tài chính - ngân sách	3	2	3	1	Kế hoạch Tài chính
6.1.1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	1	0	1	1	
6.1.2	Thực hiện công khai tài chính tại cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc theo quy định	1	1	1	0	
6.1.3	Xây dựng phương án chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức, viên chức và người lao động	0,5	0,5	0,5	0	
6.1.4	Xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị hành chính	0,5	0,5	0,5	0	
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập	2	1	2	1	Kế hoạch Tài chính
6.2.1	Đơn vị sự nghiệp công lập triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	1	0	1	1	
6.2.2	Thực hiện công khai ngân sách, công khai tài sản tại cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập	0,5	0,5	0,5	0	
6.2.3	Xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập	0,5	0,5	0,5	0	
6.3	Thực hiện chế độ báo cáo kết quả tự chủ, tự chịu trách nhiệm với cơ quan quản lý cấp trên theo quy định	0,5	0	0,5	0,5	Kế hoạch Tài chính

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2020	Mục tiêu năm 2021		Phòng phụ trách
				Điểm	Tăng/giảm so với năm 2020	
6.4	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1	1	1	0	Kế hoạch Tài chính
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	13,5	9,39	11,4	2,01	
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT)	5	3,5	4,5	1	Văn phòng Sở
7.1.1	<i>Ban hành và thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT</i>	0,5	0,5	0,5	0	
7.1.2	<i>Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin</i>	1	0,5	1	0,5	
7.1.3	<i>Thực hiện chế độ báo cáo ứng dụng công nghệ thông tin</i>	0,5	0,5	0,5	0	
7.1.4	<i>Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử</i>	1	1	1	0	
7.1.5	<i>Sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hộp thư công vụ của trong trao đổi, xử lý công việc</i>	1	1	1	0	
7.1.6	<i>Sử dụng chữ ký số phát hành văn bản</i>	1	0	0,5	0,5	
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2	1,45	1,5	0,05	Văn phòng Sở
7.2.1	<i>Tỷ lệ TTHC cung cấp công trực tuyến mức độ 4</i>	1	1	1	0	
7.2.2	<i>Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm</i>	0,5	0	0	0	<i>Sẽ đề nghị điều chỉnh tiêu chí chấm điểm</i>
7.2.3	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3,4</i>	0,5	0,45	0,5	0,05	
7.3	Thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)	1,5	0,44	0,9	0,46	Văn phòng Sở
7.3.1	<i>Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI.</i>	0,5	0,04	0,5	0,46	<i>Sẽ đề nghị điều chỉnh tiêu chí chấm điểm</i>
7.3.2	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI</i>	0,5	0,2	0,2	0	
7.3.3	<i>Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI</i>	0,5	0,2	0,2	0	
7.4	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định	5	4	4,5	0,5	Văn phòng Sở

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được năm 2020	Mục tiêu năm 2021		Phòng phụ trách
				Điểm	Tăng/giảm so với năm 2020	
7.4.1	Thực hiện triển khai, áp dụng theo đúng quy định hiện hành	1,5	1,5	1,5	0	
7.4.2	Duy trì thực hiện, cải tiến các quy trình theo đúng quy định	2	1	1,5	0,5	
7.4.3	Tỷ lệ các phòng ban, đơn vị trực thuộc thực hiện hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001	1	1	1	0	
7.4.4	Thực hiện chế độ báo cáo kết quả triển khai áp dụng ISO	0,5	0,5	0,5	0	
Tổng cộng		70,5	51,58	67,4	15,82	